

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2025)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngự
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 371/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		65.827.695.278	31.904.410.396
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.715.298.840	18.633.948.064
1. Tiền	111		18.715.298.840	18.633.948.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.372.475.465	11.132.995.738
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.343.249.209	7.981.186.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		347.077.520	416.346.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	10.682.148.736	2.735.462.927
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.485.189.416	1.435.936.783
1. Hàng tồn kho	141		1.485.189.416	1.435.936.783
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.254.731.557	701.529.811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	619.109.573	701.529.811
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	2.635.621.984	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		579.968.640.700	637.590.792.899
II. Tài sản cố định	220		405.850.730.405	408.459.494.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	405.850.730.405	408.459.494.860
- Nguyên giá	222		609.678.794.850	605.504.198.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.828.064.445)	(197.044.703.771)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	165.469.184.888	219.450.183.537
1. Đầu tư vào Công ty con	251		109.900.000.000	109.900.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	130.679.860.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		76.729.860.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.160.675.112)	(21.129.676.463)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.648.725.407	9.681.114.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	8.648.725.407	9.681.114.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		645.796.335.978	669.495.203.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		167.952.205.496	182.041.585.954
I. Nợ ngắn hạn	310		75.897.805.496	75.452.945.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.977.813.577	4.688.240.167
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.714.862.068	3.217.929.190
4. Phải trả người lao động	314		602.654.917	1.412.437.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	768.885.614	220.985.221
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	51.737.973.489	46.841.071.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	14.440.000.000	17.229.020.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.655.615.831	1.843.262.051
II. Nợ dài hạn	330		92.054.400.000	106.588.640.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	92.054.400.000	106.588.640.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		477.844.130.482	487.453.617.341
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	477.844.130.482	487.453.617.341
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.298.675.937	79.908.162.796
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.825.809.016	52.163.036.792
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.472.866.921	27.745.126.004
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		645.796.335.978	669.495.203.295

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu

Trần Văn Ngự



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	29.765.023.650	28.079.312.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		29.765.023.650	28.079.312.088
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	13.296.319.141	12.189.567.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.468.704.509	15.889.744.460
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.905.004.901	2.781.074.285
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.308.291.369	8.396.460.781
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.155.527.913	7.355.559.783
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.585.063.959	2.297.005.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		11.480.354.082	7.977.352.375
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	39.809.091
12. Chi phí khác	32	6.6	7.487.161	301.059.812
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(7.487.161)	(261.250.721)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		11.472.866.921	7.716.101.654
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	1.603.425.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.472.866.921	6.112.676.115

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT


Đoàn Văn Hiếu


Đoàn Văn Hiếu




Trần Văn Ngự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.472.866.921	7.716.101.654
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		6.783.360.674	6.813.795.816
- Các khoản dự phòng	03		30.998.649	1.040.900.998
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc tiền tệ	04		121.764.807	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.905.004.901)	(2.781.074.285)
- Chi phí lãi vay	06		4.155.527.913	7.355.559.783
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.659.514.063	20.145.283.966
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.618.196.140)	2.485.862.849
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.252.633)	(9.348.084)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.365.954.252	771.757.189
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.114.809.333	1.578.632.692
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.566.233.354)	(7.485.571.560)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.170.297.840)	(1.168.992.019)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.020.000.000)	(2.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.716.297.681	16.315.425.033
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.174.596.219)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(134.729.860.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		53.950.000.000	136.880.415.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.283.721.314	659.285
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		51.059.125.095	2.151.214.285
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.323.260.000)	(17.641.475.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.370.812.000)	(100.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.694.072.000)	(17.742.200.126)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		22.081.350.776	724.439.192
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	18.633.948.064	247.528.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	40.715.298.840	971.967.422

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Chữ tích HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 42 người (Tại ngày 31/12/2024 là 41 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh:

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có Công ty con như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.222.893	3.366.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.714.075.947	18.630.581.306
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)	22.000.000.000	-
Tổng	40.715.298.840	18.633.948.064

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất là từ 4,0%/năm đến 4,2%/năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	9.343.249.209	7.981.186.311
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.343.249.209	7.981.186.311
Tổng	9.343.249.209	7.981.186.311

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	10.682.148.736	-	2.735.462.927	-
Tạm ứng	8.148.079.343	-	1.823.981.958	-
Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	2.499.141.531	-	877.857.944	-
Phải thu khác	27.927.862	-	26.623.025	-
Tổng	10.682.148.736	-	2.735.462.927	-

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	390.785.278	-	390.706.043	-
Công cụ, dụng cụ	1.094.404.138	-	1.045.230.740	-
Tổng	1.485.189.416	-	1.435.936.783	-

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	619.109.573	701.529.811
Chi phí bảo hiểm công trình	318.145.817	198.854.715
Chi phí sửa chữa văn phòng	90.383.614	322.798.612
Chi phí chờ phân bổ khác	210.580.142	179.876.484
Dài hạn	8.648.725.407	9.681.114.502
Phí tư vấn giá trị Rers	717.136.373	774.507.281
(Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)		
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	5.811.268.803	4.704.580.817
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	936.898.185	1.222.900.988
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	205.017.928	443.351.260
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	156.525.484	194.308.414
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	821.878.634	2.341.465.742
Tổng	9.267.834.980	10.382.644.313

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bán Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	417.381.286.143	185.971.467.533	1.179.740.000	971.704.955	605.504.198.631
Tăng trong kỳ	2.652.123.492	-	1.522.472.727	-	4.174.596.219
Mua trong kỳ	2.652.123.492	-	1.522.472.727	-	4.174.596.219
Số dư tại 30/6/2025	420.033.409.635	185.971.467.533	2.702.212.727	971.704.955	609.678.794.850
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	130.988.414.326	64.347.246.980	737.337.510	971.704.955	197.044.703.771
Tăng trong kỳ	4.470.734.001	2.119.160.457	193.466.216	-	6.783.360.674
Khấu hao trong kỳ	4.470.734.001	2.119.160.457	193.466.216	-	6.783.360.674
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2025	135.459.148.327	66.466.407.437	930.803.726	971.704.955	203.828.064.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	286.392.871.817	121.624.220.553	442.402.490	-	408.459.494.860
Tại 30/6/2025	284.574.261.308	119.505.060.096	1.771.409.001	-	405.850.730.405

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 401.405.897.608 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 408.459.494.860 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2025 là 9.948.592.191 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 9.064.292.191 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2025	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2025	-	-
Tại 30/6/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2025 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 360.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2025		01/01/2025	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	99,91%	99,91%	109.900.000.000	(21.160.675.112)	109.900.000.000	(21.129.676.463)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)			-	-	130.679.860.000	-
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình (2)			-	-	76.729.860.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác					53.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc (1)	18,40%	18,40%	76.729.860.000	-	-	-
Tổng			186.629.860.000	(*) (21.160.675.112)	240.579.860.000	(*) (21.129.676.463)

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tăng vốn điều lệ dẫn đến thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty từ 30% xuống 18,4%. Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 18,4% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Tại ngày 30/6/2025, Công ty đang sở hữu 3.690.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc.

(2) Chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng đã được thanh lý tại ngày 27/02/2025.

(*) Tại ngày 30/6/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.977.813.577	4.977.813.577	4.688.240.167	4.688.240.167
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141
Swiss Carbon Assets Ltd	1.766.972.740	1.766.972.740	1.718.611.362	1.718.611.362
Phải trả người bán khác	528.910.267	528.910.267	361.101.664	361.101.664
Tổng	4.977.813.577	4.977.813.577	4.688.240.167	4.688.240.167

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141
Tổng	2.681.930.570	2.681.930.570	2.608.527.141	2.608.527.141

5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	3.217.929.190	4.066.645.498	5.569.712.620	1.714.862.068
Thuế giá trị gia tăng	486.624.665	1.536.937.631	1.426.509.154	597.053.142
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.534.675.856	-	1.534.675.856	-
Thuế thu nhập cá nhân	338.325.370	878.550.712	964.854.710	252.021.372
Thuế tài nguyên	301.401.335	1.239.055.967	1.005.854.052	534.603.250
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	556.901.964	409.101.188	634.818.848	331.184.304
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	-	-	2.635.621.984	2.635.621.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.635.621.984	2.635.621.984

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	712.897.601	126.208.606
Chi phí trích trước khác	42.351.649	81.140.251
Tổng	768.885.614	220.985.221

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	51.737.973.489	46.841.071.877
Kinh phí công đoàn	343.795.126	381.832.044
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	740.363.637	551.363.637
Phải trả tiền cổ tức (*)	3.622.352.000	2.743.164.000
Ông Trần Văn Huyền (**)	46.729.000.000	42.679.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	225.457.822	408.707.292
Tổng	51.737.973.489	46.841.071.877

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021, 2022 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

(**) Khoản đặt cọc của Ông Trần Văn Huyền về việc ông Trần Văn Huyền nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc. Theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo, ông Huyền sẽ chịu lãi chậm thanh toán trên giá trị chưa thanh toán theo Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**
Bản Pá Công, Xã Huổi Một, Tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

5.13	Vay và nợ thuế tài chính	Đơn vị tính: VND					
		30/6/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
		Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
a) Vay ngắn hạn							
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công							
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	14.440.000.000	14.440.000.000	14.440.000.000	17.229.020.000	17.229.020.000	17.229.020.000
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	5.940.000.000	5.940.000.000	5.940.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000	4.840.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi							
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	2.310.000.000	2.310.000.000	2.310.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	2.310.000.000	2.310.000.000	2.310.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000	3.160.000.000
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	4.080.000.000	4.080.000.000	4.080.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.080.000.000	4.080.000.000	4.080.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000	4.590.000.000
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000	4.410.000.000
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000	3.302.000.000
	Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS (2.2)	-	-	-	1.108.000.000	1.108.000.000	1.108.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng							
	- Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000
	Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	-	-	-	229.020.000	229.020.000	229.020.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HHTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SDBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó, phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

- (2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HHTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SDBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HHTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:
- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HHTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HHTD là 10.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
 - Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	52.163.036.792	459.708.491.337
Lãi trong năm trước	-	-	27.745.126.004	27.745.126.004
Số dư tại 31/12/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	79.908.162.796	487.453.617.341
Số dư tại 01/01/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	79.908.162.796	487.453.617.341
Lãi trong kỳ này	-	-	11.472.866.921	11.472.866.921
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(832.353.780)	(832.353.780)
Chia trả cổ tức (*)	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Số dư tại 30/6/2025	405.000.000.000	2.545.454.545	70.298.675.937	477.844.130.482

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 832.353.780 VND; trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5% từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Trần Văn Ngu	139.378.500.000	139.378.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	63.170.000.000	63.170.000.000
An Khánh Hưng	202.451.500.000	202.451.500.000
Các cổ đông khác	405.000.000.000	405.000.000.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và cổ tức lợi nhuận đã chia

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	20.250.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	29.765.023.650	28.079.312.088
Tổng	29.765.023.650	28.079.312.088

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn điện thương phẩm	13.296.319.141	12.189.567.628
Tổng	13.296.319.141	12.189.567.628

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi	550.665.150	659.285
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.780.415.000
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	2.354.339.751	-
Tổng	2.905.004.901	2.781.074.285

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	4.155.527.913	7.355.559.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	121.764.807	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	30.998.649	1.040.900.998
Tổng	4.308.291.369	8.396.460.781

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.585.063.959	2.297.005.589
Chi phí nhân viên quản lý	1.386.246.507	1.552.207.593
Chi phí vật liệu quản lý	361.992.554	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	497.843.098	10.943.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	197.104.214	196.623.336
Thuế phí và lệ phí	53.391.925	26.943.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.976.382	388.939.233
Chi phí bằng tiền khác	672.509.279	121.347.972
Tổng	3.585.063.959	2.297.005.589

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	-	39.809.091
Tổng	-	39.809.091
Chi phí khác		
Ủng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	-	300.000.000
Chi phí khác	7.487.161	1.059.812
Tổng	7.487.161	301.059.812
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(7.487.161)	(261.250.721)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.472.866.921	7.716.101.654
Các khoản điều chỉnh tăng	7.487.161	301.026.041
<i>Chi phí không được trừ</i>	7.487.161	301.026.041
Các khoản điều chỉnh giảm	11.480.354.082	-
<i>Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang (*)</i>	11.480.354.082	-
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	-	8.017.127.695
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.603.425.539

(*) Là phần Chi phí lãi vay không được trừ các kỳ trước chuyển sang theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	780.947.704	1.772.113.436
Chi phí nhân công	5.084.814.629	3.972.270.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.783.360.674	6.813.795.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.887.110	1.636.342.279
Chi phí khác bằng tiền	1.432.372.983	292.051.517
Tổng	16.881.383.100	14.486.573.217

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển An Khánh Hưng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập	1.414.555.916	744.662.837

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị		473.339.621	365.307.667
Ông Trần Văn Ngư	Chủ tịch HĐQT	244.556.273	-
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	192.783.348	-
Ông Phí Văn Thịnh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 24/4/2025)	12.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	177.844.286
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	160.463.381
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	27.000.000
Ban Tổng Giám đốc		347.388.251	121.855.571
Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc	179.877.725	-
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	167.510.526	-
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	-	121.855.571
Ban Kiểm soát		426.317.518	170.281.599
Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban	151.895.364	-
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 24/4/2025)	75.311.090	-
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	24.000.000	-
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên	175.111.064	-
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	27.000.000
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	84.941.599
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	-	58.340.000
Người quản lý khác		167.510.526	87.218.000
Ông Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	167.510.526	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	-	87.218.000
Tổng		1.414.555.916	744.662.837

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin khác

➤ **Tăng vốn điều lệ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu và trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.670.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 56.700.000.000 đồng;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50:7 (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 50:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, mỗi cổ đông sở hữu 50 quyền sẽ nhận thêm 07 cổ phần);
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025, sau khi có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty;
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 46.170.000 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 461.700.000.000 đồng.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Văn Hiếu

Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngu